

Bản án số: **67/2022/KDTM-ST**

Ngày: 13-9-2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Hiếu Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Hoàng Việt;
2. Bà Đỗ Thị A.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Quỳnh Mai – Thư ký Toà án nhân dân Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 09 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2022/TLST- KDTM ngày 22 tháng 4 năm 2022 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2022/QĐXXST-KDTM ngày 01/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 140/2022/QĐST – KDTM ngày 23/8/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A

Trụ sở: số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội.

Địa chỉ liên lạc: Tầng 1, số 96 CT, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Kim O, GUQ số 701/2022/UQ-PGD

2. Bị đơn: Công ty TNHH B

(Vắng mặt lần 2 không lý do)

Trụ sở: Số 298 đường A, Phường 12, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Hoàng Y

Địa chỉ thường trú: Số 4/45 TKC, phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn C

- Bà Phạm Hoàng Y

(Vắng mặt lần 2 không lý do)

Cùng địa chỉ: Số 4/45 TKC, phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 3 năm 2022 và bản tự khai, đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Công ty TNHH B (gọi tắt là Công ty B) đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP A - Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng cho vay số H11/19101 ngày 18/10/2019; Hợp đồng cho vay hạn mức số H11/19087 ngày 06/10/2019; Hợp đồng cho vay thấu chi số H11/19076 ngày 03/10/2019; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 03/10/2019 và các khế ước nhận nợ, văn bản có liên quan, cụ thể:

- Hợp đồng cho vay số H11/19101 ngày 18/10/2019 và khế ước nhận nợ lần 01 số H11/19101-01 ngày 22/10/2019: Số tiền vay 552.500.000 đồng; thời hạn vay 59 tháng 28 ngày, lãi suất ban đầu 9.3%/năm cố định 03 tháng đầu, hết thời hạn thì điều chỉnh 03 tháng/lần, biên độ 4.5%, phạt chậm trả lãi 10%; Ngày giải ngân: 22/10/2019, Ngày đến hạn 20/10/2024; Mục đích vay: Thanh toán hợp đồng mua xe.

- Hợp đồng cho vay hạn mức số H11/19087 ngày 06/10/2019: Số tiền vay 1.000.000.000 đồng. Tuy nhiên Ngân hàng chỉ giải ngân 500.000.000 đồng thể hiện qua 02 khế ước nhận nợ sau:

- + Khế ước nhận nợ số H11/19087-07 ngày 16/9/2020, số tiền vay 200.000.000 đồng; thời hạn vay 03 tháng, lãi suất 20%/ năm cố định trong suốt thời hạn vay, phạt chậm trả lãi 10%; Ngày giải ngân: 16/9/2020, ngày đến hạn 15/12/2020; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh sửa chữa và bán buôn thiết bị linh kiện điện tử, viễn thông.

- + Khế ước nhận nợ số H11/19087-08 ngày 17/9/2020, số tiền vay 300.000.000 đồng; thời hạn vay 03 tháng, lãi suất 20%/ năm cố định trong suốt thời gian vay, phạt chậm trả lãi 10%; Ngày giải ngân: 17/9/2020, ngày đến hạn 17/12/2020; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh sửa chữa và bán buôn thiết bị linh kiện điện tử, viễn thông.

- Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi số H11/19076 ngày 03/10/2019, số tiền vay 300.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 22%/ năm cố định trong suốt thời gian vay, phạt chậm trả lãi 10%; Ngày giải ngân: 03/10/2019, ngày đến hạn 03/10/2020; Mục đích vay: Thanh toán các chi phí hoạt động kinh doanh.

- Giấy đề nghị kiêm hợp đồng và phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 03/10/2019 với hạn mức 50.000.000 đồng; Lãi suất trong hạn 32%/ năm. Thời hạn sử dụng thẻ 60 tháng.

Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ đối với các hợp đồng tín dụng nêu trên, Công ty TNHH B đã ký kết hợp đồng thế chấp xe ô tô số H11/19102 ngày 18/10/2019 thế chấp xe tải pickup cabin kép, nhãn hiệu Ford, số loại Ranger có số khung: FF80KW996853; số máy: P4AT2802181; biển kiểm soát: 51D-611.61 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ Công an Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 11/10/2019. Hợp đồng thế chấp đã được hoàn tất thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 18/10/2019.

Ngoài tài sản bảo đảm nêu trên, bà Phạm Hoàng Y ký ba hợp đồng bảo lãnh số H11/19102 ngày 18/10/2019, H11/19087-01 ngày 06/10/2019 và H11/19077 ngày

03/10/2019; ông Nguyễn Văn C ký hai hợp đồng bảo lãnh số H11/19087-02 ngày 06/10/2019 và H11/19078 ngày 03/10/2019. Tất cả hợp đồng bảo lãnh ông Chương, bà Yến ký đều cam kết trả nợ vô điều kiện bằng toàn bộ tài sản của mình cho nghĩa vụ của Công ty B phát sinh từ các hợp đồng, văn bản tín dụng giữa VPBank và Công ty B.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty B chỉ thanh toán số tiền 148.494.399 đồng gồm nợ gốc 84.660.000 đồng, nợ lãi 63.834.399 đồng. Sau đó, Công ty B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Tại phiên tòa, VP Bank yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

Buộc Công ty B, bà Phạm Hoàng Y và ông Nguyễn Văn C trả cho VPBank số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 13/9/2022 của từng hợp đồng. Cụ thể:

- Hợp đồng cho vay số H11/19101 ngày 18/10/2019 và khế ước nhận nợ lần 01 số H11/19101-01 ngày 22/10/2019

+ Gốc: 467.840.000 đồng

+ Lãi: 135.982.349 đồng

+ Phạt chậm trả lãi: 3.677.658 đồng

Tổng cộng: 607.500.007 đồng

- Khế ước nhận nợ số H11/19087-07 ngày 16/9/2020:

+ Gốc: 200.000.000 đồng

+ Lãi: 108.974.196 đồng

+ Phạt chậm trả lãi: 19.197.372 đồng

Tổng cộng: 328.171.568 đồng

- Khế ước nhận nợ số H11/19087-08 ngày 17/9/2020

+ Gốc: 300.000.000 đồng

+ Lãi: 161.416.281 đồng

+ Phạt chậm trả lãi: 28.126.234 đồng

Tổng cộng: 489.542.515 đồng

- Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi số H11/19076 ngày 03/10/2019

+ Gốc: 298.906.750 đồng

+ Lãi: 257.694.775 đồng

Tổng cộng: 556.601.525 đồng

- Giấy đề nghị kiêm hợp đồng và phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 03/10/2019

+ Gốc: 42.275.399 đồng

+ Lãi: 39.435.076 đồng

Tổng cộng: 81.710.475 đồng

Tổng cộng gốc và lãi của 05 khoản vay là: 2.063.526.090 đồng.

Trong trường hợp Công ty B không trả được nợ, Ngân hàng Ngân hàng TMCP A yêu cầu xử lý phát mãi tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số H11/19102 ngày 18/10/2019 để thu hồi nợ. Nếu sau khi xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ thực hiện nghĩa vụ của Công ty B thì bà Phạm Hoàng Y và ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay còn nợ theo các hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng các đương sự không đến Tòa án lần nào, không nộp văn bản trình bày ý kiến. Tòa án cũng đã tiến hành hai phiên hòa giải nhưng không hòa giải được. Tại phiên tòa hôm nay, dù đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tổng đạt xét xử lần 2 hợp lệ nhưng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP A buộc ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Hoàng Y phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 1.309.022.149 đồng; về nợ lãi bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn sẽ do Hội đồng xét xử xem xét, tính toán cụ thể kể từ ngày Công ty B vi phạm nghĩa vụ trả lãi đến ngày vụ án được đưa ra xét xử. Về tài sản thế chấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là xe tải Pickup cabin kép có số khung: FF80KW996853; số máy: P4AT2802181; biển kiểm soát: 51D-611.61 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 513144 do Công an Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 11/10/2019 để thu hồi nợ cho ngân hàng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

1.1 Xét thấy nguyên đơn Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty B phải trả tiền đã vay theo hợp đồng tín dụng, đây là vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn có trụ sở tại Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh nên theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

1.2 Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ xác định Công ty B có vay của VPBank và đã nhận đủ tiền. Kể từ khi nhận tiền vay cho đến thời điểm xét xử, Công ty B mới thanh toán cho Ngân hàng một phần tiền gốc và lãi của hợp đồng cho vay số H11/19101 ngày 18/10/2019 là 148.494.399 đồng. Sau đó, Công ty B không

thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết do đó có cơ sở xác định Công ty B còn nợ ngân hàng số tiền gốc của các hợp đồng tín dụng là 1.309.022.149 đồng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng tiền đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, nên VPBank là tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng là không trái pháp luật.

Căn cứ vào các hợp đồng tín dụng giữa các bên, từ ngày Công ty B không thanh toán lãi theo thỏa thuận thì ngân hàng chuyển toàn bộ nợ sang nợ quá hạn là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp:

Hội đồng xét xử nhận định: Xe tải pickup cabin kép, nhãn hiệu Ford, số loại Ranger mang biển kiểm soát số 51D-611.61 do Công ty B đứng tên là chủ sở hữu theo giấy đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ Công an Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 11/10/2019. Công ty B đã thế chấp tài sản trên cho VPBank thông qua hợp đồng thế chấp xe ô tô số H11/19102 ngày 18/10/2019, đăng ký giao dịch bảo đảm tại trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Tp. Hồ Chí Minh ngày 18/10/2019 theo đúng quy định pháp luật. Do đó khi Công ty B không thanh toán thì tài sản trên sẽ được phát mãi để thi hành trả số tiền nợ là có căn cứ.

Trong trường hợp xử lý các tài sản bảo đảm vẫn không đủ thực hiện nghĩa vụ của Công ty B tại VPBank thì VPBank có quyền yêu cầu bà Phạm Hoàng Y và ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm trả toàn bộ khoản vay nêu trên của Công ty B theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký. Cụ thể:

- Hợp đồng bảo lãnh số H11/19102 ngày 18/10/2019;
- Hợp đồng bảo lãnh số H11/19087-02 ngày 06/10/2019;
- Hợp đồng bảo lãnh số H11/19087-01 ngày 06/10/2019;
- Hợp đồng bảo lãnh số H11/19078 ngày 03/10/2019;
- Hợp đồng bảo lãnh số H11/19077 ngày 03/10/2019;

Từ những phân tích nêu trên, nguyên đơn Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty B, ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Hoàng Y phải trả cho Ngân hàng các khoản nợ trên là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Bị đơn Công ty B phải chịu toàn bộ án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91; khoản 3 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 335, 336; Điều 342; Điều 463; Điều 466; Điều 468; khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty B, ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Hoàng Y trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền gốc còn nợ và tiền lãi tạm tính đến ngày 13/9/2022 của các hợp đồng tín dụng là 2.063.526.090 (hai tỷ không trăm sáu mươi ba triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn không trăm chín mươi) đồng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho vay số H11/19101 ngày 18/10/2019 và khế ước nhận nợ lần 01 số H11/19101-01 ngày 22/10/2019

+ Gốc: 467.840.000 đồng

+ Lãi: 135.982.349 đồng

+ Phạt chậm trả lãi: 3.677.658 đồng

- Khế ước nhận nợ số H11/19087-07 ngày 16/9/2020:

+ Gốc: 200.000.000 đồng

+ Lãi: 108.974.196 đồng

+ Phạt chậm trả lãi: 19.197.372 đồng

- Khế ước nhận nợ số H11/19087-08 ngày 17/9/2020

+ Gốc: 300.000.000 đồng

+ Lãi: 161.416.281 đồng

+ Phạt chậm trả lãi: 28.126.234 đồng

- Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi số H11/19076 ngày 03/10/2019

+ Gốc: 298.906.750 đồng

+ Lãi: 257.694.775 đồng

- Giấy đề kiêm hợp đồng và phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 03/10/2019

+ Gốc: 42.275.399 đồng

+ Lãi: 39.435.076 đồng

Thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Về án phí: Công ty B phải chịu án phí sơ thẩm là 73.270.522 (bảy mươi ba triệu hai trăm bảy mươi nghìn năm trăm hai mươi hai) đồng. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 34.934.396 (ba mươi bốn triệu chín

trăm ba mươi bốn nghìn ba trăm chín mươi sáu) đồng theo biên lai thu số AA/2021/0018560 ngày 14/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Mai Hiếu Hạnh